

FACTORS AFFECTING RESEARCH PARTICIPATION OF STUDENTS AT TAY NGUYEN UNIVERSITY

Do Xuan Viet*, Nguyen Ha Hong Anh, Y Cuor Bkrong, Le Quoc Tuan

Tay Nguyen University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 19/02/2024 Revised: 22/3/2024 Published: 22/3/2024	Currently, many studies in Vietnam and abroad have investigated the factors influencing student participation in scientific research. However, no such research has been conducted at Tay Nguyen University. This study employed a survey method with a pre-designed questionnaire based on a 5-point Likert scale, administered to 250 students at the university. Using SPSS 22.0 software, the study identified three key factors affecting student participation in scientific research at Tay Nguyen University, ranked by their level of impact: Research motivation, Student and Lecturer support. Both Research motivation and Student had a positive impact on students' research participation, while surprisingly, Lecturer support exhibited a negative influence. Furthermore, analysis revealed no significant correlation between students' research participation and two separate factors: University policy and Facilities. This study aims to equip educational administrators at Tay Nguyen University with a deeper understanding of the key factors influencing students' participation in scientific research. Such insight will enable the university to develop effective policies and activities to encourage and promote a thriving research culture among its students.
KEYWORDS	
Scientific research	
Tay Nguyen University	
Student	
Students' participation	
Research motivation	

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Đỗ Xuân Việt*, Nguyễn Hà Hồng Anh, Y Cuôr Bkrông, Lê Quốc Tuấn

Trường Đại học Tây Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 19/02/2024 Ngày hoàn thiện: 22/3/2024 Ngày đăng: 22/3/2024	Hiện nay, có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước về các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên, tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào được thực hiện tại trường Đại học Tây Nguyên. Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng câu hỏi dựa trên thang đo Likert 5 mức độ cho 250 sinh viên tại trường và sử dụng phần mềm SPSS 22.0, bài báo xác định được các nhân tố ảnh hưởng tới sự tham gia nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Tây Nguyên với mức độ tác động lần lượt là: Động cơ nghiên cứu khoa học, Sinh viên và Giảng viên. Trong đó, Động cơ nghiên cứu khoa học và Sinh viên có sự tác động cùng chiều tới sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên, còn yếu tố Giảng viên thì có sự tác động ngược chiều. Trong mô hình này có 2 nhân tố là Chính sách của trường và Cơ sở vật chất sau khi phân tích không tìm thấy sự tương quan tới biến phụ thuộc. Bài viết này giúp các nhà quản lý giáo dục tại trường hiểu rõ hơn về các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên. Từ đó, nhà trường có thể có những chính sách, hoạt động khuyến khích, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên.
TỪ KHÓA	
Nghiên cứu khoa học	
Trường Đại học Tây Nguyên	
Sinh viên	
Sự tham gia của sinh viên	
Động cơ nghiên cứu	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9726>

* Corresponding author. Email: 20403286@sv.ttn.edu.vn

1. Giới thiệu

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) là một hoạt động quan trọng trong quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên. Hoạt động này có tác động rất lớn tới khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng phân tích, phản biện, tư duy logic và các kỹ năng mềm khác trên cơ sở làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm [1]. Sinh viên khi tham gia vào việc NCKH sẽ củng cố kiến thức của bản thân, khẳng định giá trị cá nhân, tích lũy các kỹ năng cần thiết trong quá trình thực hiện, có nhiều cơ hội học tập lên cao [2]. NCKH không chỉ giúp cho việc học tập, nghiên cứu hiệu quả mà còn là hành trang, phương tiện để giúp ích cho sinh viên trong hành trình khởi nghiệp sau khi ra trường [3].

Trường Đại học Tây Nguyên (ĐHTN) là một trường có nhiều phong trào khuyến khích hoạt động NCKH. Trong đó, hoạt động NCKH của sinh viên đã được nhà trường quan tâm hơn, song vẫn còn nhiều hạn chế về cả số lượng và chất lượng. Số lượng sinh viên trường năm 2022-2023 là 7.530 sinh viên [4]. Tuy nhiên, số đề tài NCKH cấp cơ sở sinh viên năm 2022, và 2022 (bổ sung) chỉ có 29 đề tài với tổng số 101 sinh viên tham gia [5], chiếm tỷ lệ 1,3% tổng số sinh viên toàn trường. Như vậy, số lượng sinh viên tham gia NCKH còn rất thấp so với số lượng sinh viên của trường. Về chất lượng, các đề tài NCKH của sinh viên chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực khoa học cơ bản, chưa có nhiều đề tài có tính ứng dụng cao. Điều này thể hiện sự chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Hiện nay, có nhiều nghiên cứu đã được thực hiện về các nhân tố ảnh hưởng tới sự tham gia NCKH của sinh viên. Nghiên cứu của Võ Thị Minh Nho [6] đã chỉ ra rằng, các nhân tố ảnh hưởng tới sự tham gia NCKH của sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng bao gồm: giảng viên, hiệu quả học tập, lợi ích, liên kết, kỹ năng nghiên cứu, nhận thức, thể hiện, ý định nghiên cứu, yêu thích. Tác giả Hà Đức Sơn và Nông Thị Như Mai [7] đã làm rõ 4 nhân tố ảnh hưởng tới sự tham gia NCKH của sinh viên Đại học Tài chính - Marketing: môi trường nghiên cứu, động cơ, năng lực của sinh viên và sự quan tâm khuyến khích của nhà trường. Trong nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Kiệt và cộng sự [8] đã cho thấy các yếu tố như: Đặc điểm cá nhân, các yếu tố trước khi thực hiện đề tài, yếu tố trong khi thực hiện đề tài, yếu tố khác có ảnh hưởng tới sự tham gia NCKH của sinh viên khoa Kinh tế, trường Đại học Cần Thơ. Phạm Quang Văn và cộng sự [9] đã phân tích, đánh giá và đo lường được năm yếu tố chính tác động đến động lực NCKH của sinh viên trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh là: chính sách của nhà trường, sinh viên, cơ sở vật chất, cơ quan thực tập – doanh nghiệp, giảng viên. Nghiên cứu của Võ Thị Kim Liên và Trần Thị Thu Hòa [10] cho thấy rằng các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia NCKH của sinh viên trường Đại học Phan Thiết bao gồm: đặc điểm cá nhân của sinh viên, môi trường gia đình, môi trường nhà trường và môi trường xã hội. Các nghiên cứu trên đã cung cấp những thông tin quan trọng về các nhân tố ảnh hưởng tới sự tham gia NCKH của sinh viên. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào được thực hiện trên phạm vi trường ĐHTN. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng các nhân tố ảnh hưởng tới sự tham gia NCKH của sinh viên trường ĐHTN có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp nhà trường có những giải pháp phù hợp để gia tăng số lượng sinh viên NCKH, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

2.1.1. Số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các công trình nghiên cứu, các sách, tạp chí... có liên quan đến đề tài. Ngoài ra, nghiên cứu còn thu thập các báo cáo, số liệu thống kê từ trường ĐHTN.

2.1.2. Số liệu sơ cấp

Số liệu sơ cấp được thu thập qua bảng câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert với 5 mức độ (1: Hoàn toàn không đồng ý đến 5: Hoàn toàn đồng ý). Các câu hỏi trong bảng câu hỏi được tác giả tổng hợp từ nghiên cứu [9].

Chọn điểm nghiên cứu: Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nhóm tác giả chọn điểm nghiên cứu là trường ĐHTN.

Phương pháp chọn mẫu: Ngẫu nhiên phân tầng. Cụ thể: Phân chia các khoa của trường từ năm thứ nhất đến năm thứ tư, riêng khoa Chăn nuôi - Thú y có thêm năm thứ năm, khoa Y Dược có thêm năm thứ năm và năm thứ sáu, số lượng mẫu cần điều tra trong mỗi khoa dựa trên tỉ lệ sinh viên của từng khoa so với tổng thể sinh viên của cả trường, sau đó sẽ điều tra ngẫu nhiên sinh viên trong từng khoa cho đủ số lượng mẫu cần điều tra của khoa đó.

Cỡ mẫu: Để có thể thực hiện phân tích nhân tố khám phá cần thu thập dữ liệu với tỉ lệ quan sát/ biến đo lường là 5:1 [11]. Mô hình nghiên cứu có 29 biến quan sát, như vậy cỡ mẫu tối thiểu là 145. Trong nghiên cứu này, tác giả chọn cỡ mẫu là 250, phù hợp với công thức trên.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để xử lý các số liệu đã được thu thập.

2.3. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

2.3.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa theo nghiên cứu [9] đồng thời căn cứ thực tiễn tại trường ĐHTN, mô hình nghiên cứu được đề xuất như sau:

$$TG = \beta_0 + \beta_1 SV_i + \beta_2 GV_i + \beta_3 CS_i + \beta_4 VC_i + \beta_5 DC_i + \varepsilon_i$$

Trong đó:

Biến phụ thuộc: TG (Sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên)

Biến độc lập: SV, GV, CS, VC, DC (lần lượt là: Sinh viên, Giảng viên, Chính sách của trường, Cơ sở vật chất, Động cơ nghiên cứu khoa học)

2.3.2. Giả thuyết nghiên cứu

H1: Sinh viên tác động đến sự tham gia nghiên cứu khoa học.

H2: Giảng viên tác động đến sự tham gia nghiên cứu khoa học.

H3: Chính sách của trường tác động đến sự tham gia nghiên cứu khoa học.

H4: Cơ sở vật chất tác động đến sự tham gia nghiên cứu khoa học.

H5: Động cơ nghiên cứu khoa học tác động đến sự tham gia nghiên cứu khoa học.

2.4. Nguồn của các thang đo

Nguồn của các thang đo được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Nguồn của các thang đo

Thang đo	Nguồn
Sinh viên	[7], [9], [10]
Giảng viên	[6], [9], [12]
Chính sách của trường	[7], [9]
Cơ sở vật chất	[9], [13]
Động cơ nghiên cứu khoa học	[6], [7], [14]

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Khái quát về mẫu nghiên cứu

Các số liệu được thu thập thông qua các bảng câu hỏi gửi trực tiếp cho 250 đối tượng (bao gồm sinh viên trường ĐHTN các khóa 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023). Thời gian khảo sát thực hiện từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024. Kết quả khảo sát thu về 250 phiếu trong đó có 246 phiếu hợp lệ, 4 phiếu không hợp lệ do trả lời nhiều phương án cho cùng một câu hỏi. Số lượng phiếu khảo sát theo từng khoa thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Số lượng phiếu khảo sát theo các khoa

Khoa	Số lượng thực tế (Sinh viên)	Cỡ mẫu điều tra (phiếu)	Số lượng thu về (phiếu)	Tỉ lệ (%)
Y Dược	2238	74	70	94,6
Kinh tế	1881	62	62	100
Sư phạm	1027	34	34	100
Ngoại ngữ	774	26	26	100
Khoa KHTNCN	651	22	22	100
Chăn nuôi - Thú y	543	18	18	100
Nông lâm nghiệp	330	11	11	100
Lý luận chính trị	86	3	3	100
Tổng cộng	7530	250	246	98,4

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

3.2. Phân tích độ tin cậy

Để kiểm định độ tin cậy của các thang đo, hệ số Cronbach's Alpha được sử dụng. Thang đo phải có tối thiểu là 3 biến đo lường, hệ số Cronbach's Alpha $\geq 0,6$ thì có thể chấp nhận được [15]. Ngoài ra, hệ số tương quan biến tổng của các biến cũng phải $\geq 0,3$ thì biến quan sát đó mới đạt yêu cầu. Kết quả chạy lần thứ 1 cho thấy các biến đều đạt yêu cầu, ngoại trừ biến CN5 có hệ số tương quan biến tổng là 0,228 ($< 0,3$) nên bị loại để chạy lần 2. Kết quả chạy lần 2 thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Tổng hợp hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo

Thang đo	Biến quan sát	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha
Sinh viên	SV1 (Hiểu biết về NCKH của bản thân còn hạn chế)	0,690	0,833
	SV2 (Kỹ năng NCKH của bản thân còn hạn chế)	0,731	
	SV3 (Bản thân chưa có nhiều thời gian dành cho nghiên cứu khoa học)	0,620	
	SV4 (Bản thân không hứng thú với hoạt động NCKH)	0,510	
	SV5 (NCKH là một hoạt động khó so với bản thân)	0,647	
Giảng viên	GV1 (Nhiều giảng viên còn ít quan tâm đến NCKH)	0,807	0,951
	GV2 (Trình độ, kinh nghiệm hướng dẫn của nhiều giảng viên còn hạn chế)	0,812	
	GV3 (Nhiều giảng viên chưa chủ động giới thiệu cho sinh viên NCKH)	0,824	
	GV4 (Nhiều giảng viên hướng dẫn NCKH chưa nhiệt tình)	0,892	
	GV5 (Nhiều giảng viên chưa khuyến khích, động viên sinh viên NCKH)	0,866	
	GV6 (Nhiều giảng viên không thúc đẩy tiến độ thực hiện khi hướng dẫn sinh viên NCKH)	0,885	
Chính sách của trường	CS1 (Nhà trường chưa có câu lạc bộ chuyên môn để hỗ trợ công tác NCKH cho sinh viên)	0,698	0,917
	CS2 (Nhà trường chưa tạo sự khác biệt giữa sinh viên có tham gia và không tham gia NCKH)	0,787	
	CS3 (Kinh phí dành cho NCKH trong nhà trường chưa tương xứng)	0,737	
	CS4 (Thành tích NCKH chưa được phổ biến rộng rãi trong nhà trường để động viên tinh thần sinh viên)	0,801	
	CS5 (Chưa tổ chức sinh hoạt NCKH thường kỳ trong nhà trường)	0,792	
	CS6 (Phương pháp dạy và thi hiện nay của nhà trường chưa giúp sinh viên gợi mở tư duy tìm tòi, sáng tạo trong NCKH)	0,769	
Cơ sở vật chất	VC1 (Trang bị phòng thí nghiệm chưa thật tốt và hiện đại)	0,743	0,891
	VC2 (Thư viện chưa có nhiều đầu sách và tài liệu tham khảo phong phú)	0,757	
	VC3 (Internet chưa phủ sóng tốt trong các khu thư viện, ký túc xá, giảng đường,...)	0,764	
	VC4 (Nhà trường chưa có các phần mềm bản quyền chuyên dụng hỗ trợ NCKH cho sinh viên)	0,781	

Thang đo	Biến quan sát	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha
Động cơ NCKH	DC1 (NCKH để nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn)	0,828	0,938
	DC2 (NCKH để phát triển các kỹ năng mềm (làm việc nhóm, thuyết trình, giao tiếp,...))	0,853	
	DC3 (NCKH để có đủ điều kiện xét khen thưởng, học bổng)	0,868	
	DC4 (NCKH để mở rộng cơ hội việc làm)	0,911	
	DC5 (NCKH để có thêm nguồn kinh phí)	0,714	
Sự tham gia NCKH của sinh viên	TG1 (Tham gia NCKH mang lại cho tôi nhiều kỹ năng) TG2 (Tham gia NCKH mang lại cho tôi nhiều kiến thức) TG3 (Tham gia NCKH giúp tôi thỏa mãn đam mê nghiên cứu)	0,897 0,902 0,850	0,944

(Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS)

3.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

3.3.1. Phân tích EFA cho biến độc lập

Các biến độc lập được đưa vào phân tích EFA gồm: Sinh viên, Giảng viên, Chính sách của trường, Cơ sở vật chất, động cơ NCKH. Kết quả phân tích EFA lần một xuất hiện biến xấu là SV4 (không có hệ số tải) nên bị loại để chạy lần hai. Kết quả chạy lần hai được thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Tổng hợp kết quả EFA biến độc lập

STT	Biến quan sát	Nhân tố				
		1	2	3	4	5
1	GV4	0,880				
2	GV5	0,873				
3	GV6	0,863				
4	GV3	0,832				
5	GV2	0,795				
6	GV1	0,751				
7	CS2		0,785			
8	CS4		0,758			
9	CS3		0,755			
10	CS5		0,734			
11	CS6		0,686			
12	CS1		0,643			
13	DC4			0,915		
14	DC3			0,883		
15	DC2			0,864		
16	DC1			0,831		
17	DC5			0,779		
18	SV2				0,847	
19	SV1				0,799	
20	SV3				0,771	
21	SV5				0,648	
22	VC3					0,762
23	VC4					0,732
24	VC2					0,728
25	VC1					0,610
KMO		0,917	Eigenvalues			1,162
Sig. (Bartlett's Test)		0,000	Tổng phương sai trích			76,590%

(Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS)

Bảng 4 cho thấy các biến độc lập đều có hệ số tải $> 0,5$ do đó các biến trong mô hình là phù hợp. Đồng thời $KMO = 0,917 > 0,5$ nên phân tích nhân tố khám phá là phù hợp, giá trị sig. của

kiểm định Bartlett là $0,000 < 0,05$ chứng tỏ các biến có tương quan với nhau; giá trị Eigenvalues là $1,162 > 1$, trong mô hình có 5 nhân tố có ý nghĩa trong phân tích EFA; tổng phương sai trích là $76,590\% > 50\%$, tức là các nhân tố đã giải thích được 76,590% sự biến thiên của dữ liệu.

3.3.2. Phân tích EFA cho biến phụ thuộc

Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho biến phụ thuộc được thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5 cho thấy hệ số KMO = 0,760 ($> 0,5$), giá trị sig. của kiểm định Bartlett's = 0,000 ($< 0,05$) đồng thời trong mô hình có 1 nhân tố được rút trích với tổng phương sai trích là 89,978% ($> 50\%$), giá trị Eigenvalues = 2,699 > 1 cho thấy phân tích nhân tố khám phá cho biến phụ thuộc là phù hợp.

Bảng 5. Tổng hợp kết quả EFA biến phụ thuộc

STT	Biến quan sát	Hệ số
1	TG1	0,958
2	TG2	0,956
3	TG3	0,932
KMO		0,760
Sig. (Bartlett's Test)		0,000
Eigenvalues		2,699
Tổng phương sai trích		89,978%

(Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS)

3.4. Phân tích tương quan Pearson

Sự tương quan giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc được thể hiện ở Bảng 6.

Bảng 6. Mối tương quan giữa Y và các yếu tố

		Y	SV	GV	CS	VC	DC
Y	Tương quan Pearson	1	0,460**	0,126*	0,393**	0,378**	0,789**
	Sig. (2-tailed)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
	N	246	246	246	246	246	246
SV	Tương quan Pearson	0,460**	1	0,415**	0,448**	0,442**	0,423**
GV	Tương quan Pearson	0,126*	0,415**	1	0,616**	0,568**	0,168**
CS	Tương quan Pearson	0,393**	0,448**	0,616**	1	0,692**	0,440**
VC	Tương quan Pearson	0,378**	0,442**	0,568**	0,692**	1	0,459**
DC	Tương quan Pearson	0,789**	0,423**	0,168**	0,440**	0,459**	1

(Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS)

Bảng 6 cho thấy các biến độc lập SV, GV, CS, VC, DC đều có ý nghĩa thống kê và có sự tương quan với biến phụ thuộc (Y) (giá trị sig. của các biến này đều $< 0,05$), trong đó biến DC có hệ số tương quan cao nhất.

3.5. Phân tích hồi quy đa biến

Kết quả hồi quy đa biến được thể hiện ở các Bảng 7, 8 và 9. Bảng 7 cho thấy hệ số R^2 hiệu chỉnh là 0,649 nghĩa là các biến độc lập giải thích được 64,9% sự biến thiên của biến phụ thuộc, còn lại 35,1% là do sự tác động của các yếu tố khác chưa được đưa vào mô hình. Theo Bảng 8, giá trị sig. của kiểm định F là $0,000 < 0,05$; như vậy, mô hình hồi quy là phù hợp.

Ở Bảng 9, giá trị sig. của kiểm định t của 3 biến độc lập SV, GV, DC đều nhỏ hơn 0,05 nên 3 biến này đều có sự tác động lên biến phụ thuộc; giá trị sig. của biến CS và VC đều lớn hơn 0,05, do đó biến CS và VC không có tác động đối với biến phụ thuộc. Đồng thời 3 giả thuyết H1, H2, H5 được chấp nhận, còn H3, H4 bị bác bỏ. Ngoài ra, hệ số VIF của các biến đều nhỏ hơn 2 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số Beta chuẩn hóa cho thấy có 2 biến là SV, DC có sự tác động tích cực đến biến phụ thuộc, mạnh nhất là DC, còn biến GV có hệ số Beta chuẩn hóa nhỏ

hơn 0 nên có sự tác động nghịch chiều lên biến phụ thuộc. Từ kết quả bảng 9, phương trình hồi quy được viết như sau: $Y = 0,718DC + 0,188SV - 0,093GV + \varepsilon$

Bảng 7. Đánh giá sự phù hợp của mô hình

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Độ lệch chuẩn dự đoán	Durbin-Watson
1	0,806 ^a	0,649	0,642	0,45878	1,815

(Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS)

Bảng 8. Bảng ANOVA

Mô hình	Tổng bình phương	Df	Bình phương trung bình	F	Sig.
Hồi quy	93,444	5	18,689	88,792	0,000b
1 Phần dư	50,515	240	0,210		
Tổng	143,959	245			

(Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS)

Bảng 9. Trọng số hồi quy

Biến	B	Độ lệch chuẩn	Beta chuẩn hóa	T	Sig.	T	VIF
(Hằng số)	0,575	0,182		3,153	0,002		
SV	0,188	0,049	0,178	3,858	0,000	0,685	1,459
GV	-0,093	0,047	-0,104	-1,984	0,048	0,528	1,894
CS	0,083	0,060	0,082	1,386	0,167	0,416	2,407
VC	-0,020	0,054	-0,022	-0,381	0,704	0,446	2,243
DC	0,718	0,048	0,705	15,023	0,000	0,664	1,506

(Nguồn: Tổng hợp kết quả chạy SPSS)

3.6. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có 3 giả thuyết đưa ra được chấp nhận là H1, H2 và H5; đồng thời có 3 nhân tố tác động đến sự tham gia NCKH của sinh viên trường ĐHTN đó là: động cơ nghiên cứu khoa học, sinh viên và giảng viên. Cụ thể:

- Động cơ nghiên cứu khoa học: Đây là nhân tố có sự tác động lớn nhất đến sự tham gia NCKH của sinh viên trường ĐHTN. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với các nghiên cứu trước [6], [7], [14].

- Sinh viên: yếu tố sinh viên (hiểu biết, kỹ năng, kiến thức...) có ảnh hưởng đến sự tham gia NCKH của sinh viên trường ĐHTN. Yếu tố có sự tác động mạnh thứ hai, xếp sau động cơ nghiên cứu khoa học, kết quả này phù hợp với các nghiên cứu [7], [9], [10].

- Giảng viên: Sự tác động của giảng viên có ảnh hưởng tới sự tham gia NCKH của sinh viên trường ĐHTN. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu [6], [9], [12].

3.7. Khuyến nghị

Về động cơ nghiên cứu khoa học: Cần tăng cường nhận thức của sinh viên về lợi ích của NCKH thông qua: Tổ chức hội thảo, tọa đàm, mời các nhà khoa học, chuyên gia, cựu sinh viên NCKH thành công chia sẻ về lợi ích của NCKH; tăng cường truyền thông về lợi ích của NCKH trên các nền tảng website, mạng xã hội của trường; tổ chức các cuộc thi và trao giải thưởng cho các đề tài NCKH xuất sắc để khích lệ sinh viên tham gia.

Về sinh viên: Để nâng cao hiệu quả NCKH, sinh viên cần tự rèn luyện cho mình các thói quen và kỹ năng sau: Nâng cao hiểu biết về NCKH, từ đó hiểu được tầm quan trọng của việc NCKH khi còn là sinh viên. Tích cực chủ động trong việc tự học, nghiên cứu, làm việc nhóm. Tham khảo, nhờ sự tư vấn của các thầy cô hướng dẫn để tìm ra đề tài phù hợp với thực tiễn, trình độ kiến thức và chuyên ngành mà sinh viên đang theo học.

Về giảng viên: Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về phương pháp NCKH, kỹ năng viết báo cáo NCKH,... cho giảng viên. Khuyến khích giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học để học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm NCKH cũng như hướng dẫn sinh viên NCKH. Xây dựng môi

trường học tập và NCKH cởi mở để giảng viên phát huy khả năng tư duy, sáng tạo. Đưa ra các chế tài, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho giảng viên khi hướng dẫn đề tài NCKH cho sinh viên, từ đó giúp họ thích thú hơn khi hướng dẫn sinh viên NCKH.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 3 nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia NCKH của sinh viên trường ĐHTN đó là: động cơ nghiên cứu khoa học, sinh viên, giảng viên. Trong đó, động cơ nghiên cứu khoa học là yếu tố có sự tác động lớn nhất. Kết quả này làm cơ sở để tác giả đưa ra một số khuyến nghị nhằm thu hút, tạo động lực NCKH của sinh viên trường ĐHTN. Trong 3 nhân tố trên, nhân tố giảng viên có sự tác động ngược chiều lên biến phụ thuộc. Ngoài ra các biến độc lập giải thích được 64,9% sự biến thiên của biến phụ thuộc, còn lại 35,1% là do sự tác động của các yếu tố khác chưa được đưa vào mô hình. Do đó, các nghiên cứu sau có thể mở rộng đối tượng điều tra cho toàn thể sinh viên của trường cũng như đưa thêm những nhân tố mới mà chưa được đề cập trong nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. T. N. Le, "The role of scientific research in improving the quality of training at the Banking Academy," (in Vietnamese), *Journal of Economic & Banking Studies*, no. 162, pp. 73-79, 2015.
- [2] Q. T. Huynh, "Improving the quality of scientific research associated with teaching and learning activities at universities," (in Vietnamese), *Science & Technology Development Journal – Social Sciences & Humanities*, no. 5, pp. 1384-1398, 2021.
- [3] T. P. Ho and B. T. Nguyen, "Students' scientific research at university institutions: the case at University of Law, Hue University," (in Vietnamese), *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, vol. 130, no. 6C, pp. 197-204, 2021.
- [4] Tay Nguyen University, *Annual Report for the Academic Year 2022-2023 and Directions, Tasks for the Academic Year 2023-2024*, 2023.
- [5] Tay Nguyen University, *Report on the summary of scientific, technological, and international activities for the period 2021-2023 and orientation for 2024-2025*, 2024.
- [6] T. M. N. Vo, "A study on the Factors influencing students motivation to participate in scientific research," (in Vietnamese), *Journal of Science and Technology - University of Da Nang*, vol. 21, no. 4, pp. 27-33, 2023.
- [7] D. S. Ha and T. N. M. Nong, "Determinants of students' scientific research participation - a case study in University of Finance – Marketing," (in Vietnamese), *Journal of Finance and Marketing - University of Finance - Marketing*, no. 49, pp. 13-24, 2019.
- [8] T. K. Nguyen, T. T. T. Tran, and N. B. T. Vo, "Current status and directions for promoting scientific research participation of economics students at Can Tho University," (in Vietnamese), *CTU Journal of Science*, vol. 55, no. 5C, pp. 117-125, 2019.
- [9] Q. V. Pham, V. T. Le, V. K. Huynh *et al.*, "Factors affect students' motivation in scientific research," (in Vietnamese), *Journal of Transportation Science and Technology*, vol. 30, pp. 88-95, 2018.
- [10] T. K. L. Vo and T. T. H. Tran, "Factors affecting the ability to participate in scientific research of students at Phan Thiet University," (in Vietnamese), *Journal of Industry and Trade - Ministry of Industry and Trade*, no. 17, pp. 12-19, 2023.
- [11] J. F. Hair, W. C. Black, B. J. Babin *et al.*, *Multivariate data analysis* (7th ed.). Pearson Prentice Hall, 2010.
- [12] H. G. Ngo, V. L. Hoang, T. T. Nguyen *et al.*, "Proposal for a research model on factors affecting scientific research motivation of students at Ho Chi Minh City University of Law," (in Vietnamese), *Economy and Forecast Review*, no. 21, pp. 117-120, 2022.
- [13] T. H. Tran and H. Y. Pham, "Factors affecting students' research motivation at the University of Science - Thai Nguyen University," (in Vietnamese), *Dong Thap University Journal of Science*, no. 26, pp. 59-67, 2017.
- [14] A. Salgueira, P. Costa, M. Gonçalves *et al.*, "Individual characteristics and student's engagement in scientific research: a cross-sectional study," *BMC medical education*, no. 12, pp. 1-9, 2012.
- [15] D. T. Nguyen, *Business research methodology textbook*. Ho Chi Minh: Finance Publishing House, 2014.